

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2019
V/v tranh chấp HNGĐ -
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2018/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2019 giữa các đương sự:

N đơn: Lê Thị Tố N, sinh năm 1986.

Bị đơn: Nguyễn Hồng P, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(N đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Lê Thị Tố N là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh P tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Nay chị Lê Thị Tố N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng P.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 29/01/2015; hiện 02 con chung đang sống chung với anh P, chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Hồng P đã được triệu tập các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị Tố N có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hồng P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Nguyễn Hồng P là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Nguyễn Hồng P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hồng P.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, do đó hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp. Chị N yêu cầu ly hôn vì: Bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh P đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung chị N yêu cầu xin ly hôn ở Tòa án, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị N.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 29/01/2015; Anh P không có văn bản ghi ý kiến hay yêu cầu gì về việc nuôi con.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 09/01/2018 thì cháu Nguyễn Trung K có nguyện vọng được sống với chị N. Do đó, giao hai con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 29/01/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mỗi tháng bằng số tiền ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành

án cho mỗi con, thời gian cấp dưỡng được tính bắt đầu từ tháng 02/2019 cho đến khi con Nguyễn Trung K và Nguyễn Lê Phương N đủ 18 tuổi.

Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*”

Xét yêu cầu của chị N là có căn cứ nên chấp nhận, buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở tương ứng với thời gian thi hành án cho mỗi con, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2019 cho đến khi con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 29/01/2015 đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị N trình bày tự thỏa thuận, anh P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị N trình bày không có, anh P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Tố N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Nguyễn Hồng P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 12, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Lê Thị Tố N.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tố N được ly hôn với anh Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Chị Lê Thị Tố N được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 29/01/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hồng P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung hàng tháng, mỗi tháng bằng ½ tháng lương cơ sở tương ứng với

thời gian thi hành án cho mỗi con, thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 02/2019 cho đến khi con chung Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Lê Phương N, sinh ngày 29/01/2015 đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Tố N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001173 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Hồng P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Minh